

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỘC BÌNH  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày 09-9-2022

V/v Tranh chấp về chia tài sản sau khi  
ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nông Thị Huyền Trang;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hoàng Thị Giang;

2. Ông Nguyễn Hữu Thịnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/2022/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Lương Văn T, sinh năm 1986, cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

**- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn anh Lương Văn T:** Bà Nguyễn Thị Trung V – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

**- Bị đơn:** Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1986, cư trú tại: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Chị Nông Thị K, cư trú tại: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 13/01/2022, các lời khai sau đó và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Lương Văn T trình bày: Anh Lương Văn T

và chị Hoàng Thị B được giải quyết ly hôn tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn và khi đó, anh Lương Văn T đã rút yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là số tiền tiết kiệm 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng) gửi ngân hàng đứng tên chị Hoàng Thị B. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Lương Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là  $\frac{1}{2}$  số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi năm triệu đồng) = 92.500.000 đồng (chín mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), không yêu cầu chia phần tiền lãi suất tiết kiệm gửi ngân hàng của số tiền này; anh Lương Văn T rút yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết chia 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 12 L1-10508 do chị Hoàng Thị B mua nhưng đã bán nên không còn để chia; không chấp nhận trả nợ chị Nông Thị K số tiền gần 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2022, bị đơn chị Hoàng Thị B trình bày đã sử dụng số tiền tiết kiệm được trong thời kỳ hôn nhân là 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng) để trả nợ chị Nông Thị K. Chị Hoàng Thị B không chấp nhận trả cho anh Lương Văn T số tiền là 92.500.000 đồng (chín mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) như anh Lương Văn T yêu cầu. Nay, chị vẫn còn nợ chị Nông Thị K khoảng 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, chị yêu cầu anh Lương Văn T cùng chị trả nợ cho chị Nông Thị K.

Tại Biên bản làm việc ngày 23/6/2022 và Biên bản lấy lời khai ngày 05/8/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nông Thị K trình bày chị có cho chị Hoàng Thị B vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) nhưng không làm giấy tờ vay nợ, không nhớ rõ thời gian cho vay, chỉ nhớ là cho vay nhiều lần trong thời kỳ hôn nhân của anh Lương Văn T và chị Hoàng Thị B. Trước khi ly hôn vào cuối năm 2021 chị Hoàng Thị B đã trả cho chị Nông Thị K số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và còn nợ 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Nay, chị Nông Thị K không yêu cầu chị Hoàng Thị B và anh Lương Văn T trả chị số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) này nữa.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chia  $\frac{1}{2}$  tài sản chung của vợ chồng cho anh Lương Văn T được 92.500.000 đồng (chín mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn: Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Hoàng Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nông Thị K vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án

là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Anh Lương Văn T và chị Hoàng Thị B có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng) gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Lộc B, tỉnh Long Sơn. Ngày 20/9/2021, chị Hoàng Thị B đã rút toàn bộ số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng) ngay sau khi thực hiện thủ tục ly hôn với anh Lương Văn T. Quá trình giải quyết vụ án chị Hoàng Thị B trình bày đã sử dụng số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng) để trả nợ cho chị Nông Thị K. Chị Nông Thị K cũng xác nhận việc chị Hoàng Thị B trả nợ chị số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng). Ngoài lời trình bày, chị Hoàng Thị B và chị Nông Thị K đều không chứng minh được về việc vay nợ, thời gian vay nợ, mục đích sử dụng tiền vay nợ... Lời khai của chị Hoàng Thị B trong quá trình giải quyết vụ án có mâu thuẫn với lời khai tại phiên tòa xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn ngày 30/12/2021 là vợ chồng không có nợ chung, chị Hoàng Thị B đã sử dụng số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng) để chi tiêu cá nhân hết. Có căn cứ xác định anh Lương Văn T và chị Hoàng Thị B có tài sản chung là số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng) gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Lộc B, tỉnh Long Sơn. Nguồn gốc tài sản chung là do chị Hoàng Thị B lao động tạo ra nhưng anh Lương Văn T là người khuyết tật nặng, chỉ làm công việc trong gia đình, chăm sóc các con cũng được coi như lao động có thu nhập. Căn cứ vào Điều 29 Điều 33, Điều 35, Điều 37, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lương Văn T, chia cho anh Lương Văn T từ 30%-40%, chia cho chị Hoàng Thị B từ 60%-70% số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng) là tài sản chung vợ chồng do chị Hoàng Thị B đang chiếm hữu, quản lý. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị đình chỉ yêu cầu giải quyết chia 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 12 L1-10508 do anh Lương Văn T rút yêu cầu. Đề nghị không xem xét giải quyết đối với lãi suất tiết kiệm gửi ngân hàng do anh Lương Văn T không yêu cầu. Về án phí: Đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho cả anh Lương Văn T và chị Hoàng Thị B vì là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Hoàng Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nông Thị K vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Hoàng Thị B và chị Nông Thị K.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, bị đơn cư trú tại thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về tài sản chung của vợ chồng: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Công văn số 730/CV-NHNo.LB-KTNQ ngày 07/3/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện L, tỉnh Lạng Sơn, các chứng từ giao dịch thể hiện chị Hoàng Thị B có gửi tiết kiệm ngày 07/01/2019 số tiền 138.000.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu đồng), sổ thứ hai gửi tiết kiệm ngày 21/08/2019 được số tiền 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu đồng), tổng cộng số tiền gửi tiết kiệm là 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng) tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 20/9/2021, chị Hoàng Thị B đã rút toàn bộ số tiền tiết kiệm là 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi. Ngày 30/12/2021, chị Hoàng Thị B và anh Lương Văn T được giải quyết ly hôn tại Bản án Hôn nhân và gia đình số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lộc B, tỉnh Lạng Sơn. Cả anh Lương Văn T và chị Hoàng Thị B đều xác định số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng) gửi tiết kiệm do chị Hoàng Thị B đứng tên tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện L, tỉnh Lạng Sơn là tài sản chung vợ chồng.

[4] Về nguồn gốc, công sức tạo lập tài sản chung: Anh Lương Văn T trình bày toàn bộ số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng) nói trên là do chị Hoàng Thị B đi làm, tiết kiệm được, bản thân anh Lương Văn T chỉ làm việc trong gia đình, chăm sóc các con, không có đóng góp vào tài sản chung.

[5] Căn cứ quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, thu nhập được tạo ra trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng. Tuy anh Lương Văn T không có đóng góp vào việc tạo ra số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng) nhưng anh làm công việc gia đình, chăm sóc các con. Do vậy, số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng) là tài sản chung của anh Lương Văn T và chị Hoàng Thị B trong thời kỳ hôn nhân. Cả anh Lương Văn T và chị Hoàng Thị B đều có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, định đoạt tài sản chung của vợ chồng.

[6] Tại Bản án Hôn nhân và gia đình số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn thể hiện chị Hoàng Thị B đã tự ý định đoạt tài sản chung của vợ chồng là số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng) để tiêu sài cá nhân hết, vợ chồng không có nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2022, chị Hoàng Thị B trình bày đã sử dụng số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng) để trả nợ chị Nông Thị K. Như vậy,

những lời khai của chị Hoàng Thị B có mâu thuẫn với nhau về nợ chung và việc sử dụng số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng). Ngoài lời trình bày về số tiền nợ thì chị Hoàng Thị B và chị Nông Thị K không trình bày được thời gian vay nợ, số tiền vay cụ thể trong từng lần vay, mục đích vay, thời gian trả nợ cụ thể và không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh có việc vay nợ, trả nợ. Do vậy, có căn cứ xác định chị Hoàng Thị B đã tự ý định đoạt tài sản chung vợ chồng là số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng) không nhằm mục đích phục vụ cho nhu cầu chung của gia đình. Vì vậy, yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng) do chị Hoàng Thị B đang quản lý của anh Lường Văn T là có căn cứ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy chị Lường Thị B là người tạo ra toàn bộ 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng), anh Lường Văn T không có công sức đóng góp, tạo lập nên số tài sản này. Do vậy, Hội đồng xét xử chia tài sản chung là số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng) cho anh Lường Văn T và chị Hoàng Thị B như sau: Bị đơn chị Hoàng Thị B được chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là  $60\% \times 185.000.000$  đồng (một trăm tám mươi năm triệu đồng) = 111.000.000 đồng (một trăm mười một triệu đồng). Nguyên đơn anh Lường Văn T được chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là  $40\% \times 185.000.000$  đồng = 74.000.000 đồng (bảy mươi tư triệu đồng). Bị đơn chị Hoàng Thị B có phải hoàn trả cho anh Lường Văn T số tiền 74.000.000 đồng (bảy mươi tư triệu đồng).

[7] Nguyên đơn anh Lường Văn T không yêu cầu giải quyết tiền lãi phát sinh từ số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi năm triệu đồng) từ khi gửi đến ngày rút tiền 20/9/2021 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nông Thị K không yêu cầu chị Hoàng Thị B và anh Lường Văn T phải trả số tiền vay nợ là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Nguyên đơn anh Lường Văn T rút yêu cầu chia tài sản chung là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 12 L1-10508 nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu này.

[10] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[11] Nguyên đơn anh Lường Văn T và bị đơn chị Hoàng Thị B là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, .

[12] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 29 Điều 33, Điều 35, Điều 37, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân:

1.1. Nguyên đơn anh Lương Văn T được chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là  $40\% \times 185.000.000 \text{ đồng} = 74.000.000 \text{ đồng}$  (bảy mươi tư triệu đồng). Bị đơn chị Hoàng Thị B có trách nhiệm hoàn trả cho anh Lương Văn T số tiền 74.000.000 đồng (bảy mươi tư triệu đồng).

1.2. Bị đơn chị Hoàng Thị B được chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là  $60\% \times 185.000.000 \text{ đồng}$  (một trăm tám mươi năm triệu đồng) = 111.000.000 đồng (một trăm mười một triệu đồng)

2. Về lãi suất chậm trả: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lương Văn T yêu cầu chia tài sản chung là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 12 L1-10508 do anh Lương Văn T rút yêu cầu.

4. Về án phí: Nguyên đơn anh Lương Văn T và bị đơn chị Hoàng Thị B được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nông Thị Huyền Trang**

